

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Án số: 66/2019/HNGĐ - ST
Ngày 29/11/2019
V/v: Tranh chấp hôn nhân và
gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Cự
2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Lê Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Huế - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2019/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2019/QĐXX- ST ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2019/QĐST - HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Vũ Thị B - sinh năm 1968

- **Bị đơn:** Ông Đoàn Duy H - sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh T.

(Tại phiên tòa có mặt bà B, vắng mặt ông H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn bà Vũ Thị B trình bày: Bà kết hôn với ông Đoàn Duy H năm 1995 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh T. Tuy nhiên giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của vợ chồng bà không còn do ông Đoàn Duy H xé đi, Ủy ban nhân dân xã H chỉ còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn từ năm 1998 trở về đây. Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống tại thôn Đ, xã H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1996 thì phát sinh mâu thuẫn do ông H thường xuyên đánh đập, chửi bới, đập

phá đồ đạc trong gia đình, ông H không chịu làm việc, bà có nhắc ông H đi làm để nuôi con thì ông H gây sự đánh bà. Vợ chồng bà đã được hai bên gia đình nội, ngoại và chính quyền địa phương động viên hòa giải nhưng ông H vẫn đánh bà. Vợ chồng bà ly thân từ 3 năm nay. Nay bà xác định đình cảm vợ chồng không còn bà xin được ly hôn với ông Đoàn Duy H.

Về con chung: Bà và ông H có 03 con chung: Đoàn Thị Huyền Tr, sinh năm 1997; Đoàn Kim Ch, sinh ngày 10/4/2002 và Đoàn Ngọc M, sinh ngày 27/12/2008. Ly hôn bà xin nuôi 02 con chung là Đoàn Kim Ch và Đoàn Ngọc M, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Con Đoàn Thị Huyền Tr đã trưởng thành, tự lập về kinh tế không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đoàn Duy H là bị đơn đã nhận được thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập của Tòa án nhưng ông H không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của ông. Thẩm phán, Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng cùng với đồng chí cán bộ tư pháp hộ tịch xã H đến nhà ông H để tổng đạt các văn bản của Tòa án và ghi lời khai của ông Đoàn Duy H. Sau khi trao đổi nội dung làm việc với ông H, ông H có ý kiến: Bà B xin ly hôn ông, ông không đồng ý ly hôn và ông cũng không đồng ý nhận các văn bản của Tòa án, không đồng ý cho Tòa án ghi lời khai của ông. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng không giao được các văn bản, không ghi được lời khai của ông H.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Vũ Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông H, xin được nuôi 02 con chung là Đoàn Kim Ch và Đoàn Ngọc M không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Con Đoàn Thị Huyền Tr đã trưởng thành, tự lập về kinh tế không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn – bà Vũ Thị B đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn – ông Đoàn Duy H chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Vũ Thị B và ông Đoàn Duy H. Về con chung: Giao con chung Đoàn Kim Ch, sinh ngày 10/4/2002 và Đoàn Ngọc M, sinh ngày 27/12/2008 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Đoàn Duy H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chấp nhận sự tự nguyện của bà B không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà. Con Đoàn Thị Huyền Tr đã trưởng thành, tự lập về kinh tế không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, bà B không yêu cầu Tòa án giải

quyết về tài sản do đó không giải quyết về tài sản chung vợ chồng giữa bà B và ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Vũ Thị B và ông Đoàn Duy H đều có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh T, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

Ông Đoàn Duy H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị B khai bà kết hôn với ông Đoàn Duy H năm 1995 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh T. Tuy nhiên giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của vợ chồng bà không còn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1996 thì phát sinh mâu thuẫn do ông H thường xuyên đánh đập, chửi bới, đập phá đồ đạc trong gia đình, ông H không chịu làm việc, bà có nhắc ông H đi làm để nuôi con thì ông H gây sự đánh bà. Bà B xin ly hôn ông H nhưng ông H không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của ông và không đồng ý cho Tòa án ghi lời khai của ông. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H thì bà B và ông H chung sống với nhau từ năm 1995. Hiện Ủy ban nhân dân xã H chỉ còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn từ tháng 6/1998 trở lại đây, từ trước tháng 6/1998, Ủy ban nhân dân xã không còn lưu trữ. Vì vậy Ủy ban nhân dân xã không xác định bà B và ông H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã hay không. Trong quá trình chung sống bà B và ông H thường xuyên mâu thuẫn, đánh nhau, cãi nhau, chính quyền xã và đại diện cơ sở thôn Đ đã nhiều lần đến nhà động viên, hòa giải cho bà B và ông H nhưng bà B và ông H vẫn cãi nhau, đánh nhau gây mất trật tự tại địa phương. Bà B xin ly hôn ông H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, mặc dù bà B trình bày vợ chồng bà có đăng ký kết hôn nhưng bà không cung cấp được đăng ký kết hôn, Ủy ban nhân dân xã H không còn lưu hồ sơ nên không có căn cứ xác định bà B và ông H đã đăng ký kết hôn. Theo quy định tại điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật

này”. Bà B và ông H chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn nên không công nhận bà B và ông H là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà B và ông H có 03 con chung: Đoàn Thị Huyền Tr, sinh năm 1997; Đoàn Kim Ch, sinh ngày 10/4/2002 và Đoàn Ngọc M, sinh ngày 27/12/2008. Ly hôn bà B xin nuôi 02 con chung là Đoàn Kim Ch và Đoàn Ngọc M. Con Đoàn Thị Huyền Tr đã trưởng thành, tự lập về kinh tế không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét nguyện vọng nuôi con của bà B là chính đáng, cháu Đoàn Kim Ch và Đoàn Ngọc M có nguyện vọng xin được ở với mẹ là bà Vũ Thị B. Ủy ban nhân dân xã H đề nghị Tòa án giao con chung theo quy định của pháp luật.

Xét thấy cháu Đoàn Kim Ch và Đoàn Ngọc M có nguyện vọng ở với mẹ, ông H đã biết việc bà B xin ly hôn ông nhưng ông không có ý kiến về việc nuôi con nên cần giao con Đoàn Kim Ch và Đoàn Ngọc M cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, bà B không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà. Chấp nhận sự tự nguyện của bà B không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà, việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Ông Đoàn Duy H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Con Đoàn Thị Huyền Tr đã trưởng thành, tự lập về kinh tế không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nhưng chưa có lời khai của ông H về vấn đề này, do đó không giải quyết về tài sản chung vợ chồng giữa bà B và ông H.

[3] Về án phí: Bà B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Bà B, ông H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 266; Điều 147; Điều 271; Điều 273; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14; Điều 53; Điều 58; Điều 69; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Vũ Thị B và ông Đoàn Duy H.

2. Về con chung: Xử giao con chung Đoàn Kim Ch, sinh ngày 10/4/2002 và Đoàn Ngọc M, sinh ngày 27/12/2008 cho bà Vũ Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Bà B không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà. Chấp nhận sự tự nguyện của bà B không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà,

việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Ông Đoàn Duy H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Con Đoàn Thị Huyền Tr, sinh năm 1997 đã trưởng thành, tự lập về kinh tế không đặt ra giải quyết

3. Về tài sản chung: Tòa án không giải quyết về tài sản.

4. Về án phí: Bà Vũ Thị B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng bà B đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008212 ngày 09/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Vũ Thị B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đoàn Duy H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện;
- Ch cục THADS huyện;
- Đường sự, UBND xã H;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thị Lan Phương

